

Sử dụng hệ thống tài khoản kế toán trong công tác quản trị doanh nghiệp

▣ Ths. Nguyễn Hoàn*

Xây dựng hệ thống tài khoản kế toán (TKKT) thực chất là việc sử dụng các tài khoản (TK) để phân loại nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo từng đối tượng theo dõi của kế toán. Nếu bỏ qua các kỹ thuật định khoản thì danh mục TK so với các danh mục khác như danh mục khách hàng, danh mục khoản mục phí... không có sự khác biệt nhiều.

Tổ chức hệ thống TKKT bao gồm việc xác định số lượng các TK và cấu trúc các tiểu khoản. Việc tổ chức hệ thống TKKT cần phải phù hợp với đặc điểm loại hình kinh doanh và quy mô của từng DN. Việc tổ chức tốt hệ thống TKKT sẽ giúp DN phản ánh được một cách đầy đủ và có hệ thống các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Một hệ thống TKKT tốt không chỉ phản ánh một cách chính xác và đầy đủ theo yêu cầu của kế toán tài chính mà còn cung cấp thông tin phục vụ cho công tác kế toán quản trị.

Trong hệ thống TKKT, nếu xét theo khía cạnh phân loại các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chi tiết theo từng đối tượng tập hợp, trong đó, có một số nhóm TK thường được sử dụng để phân loại như:

Nhóm TK công nợ: Khi xây dựng hệ thống TK, kế toán có thể chi tiết thành các tiểu khoản theo từng đối tượng công nợ. Việc làm này, giúp kế toán có thể theo dõi chi tiết công nợ của từng đối tượng trong hệ thống TK.

Nhóm TK tồn kho: Nhóm này được dùng để theo dõi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến NVL, sản phẩm, hàng hóa... của DN và được mở chi tiết theo từng đối tượng hạch toán.

Nhóm TK chi phí: Nhóm TK tập hợp các khoản chi phí của DN, bao gồm cả chi phí sản xuất sản phẩm và chi phí bán hàng, chi phí quản lý. Và được mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí.

Nhóm TK doanh thu: Dùng để tập hợp các khoản doanh thu từ bán hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ... của DN. Để phục vụ cho công tác quản trị, nhất là mục đích cung cấp thông tin cho các báo cáo “bộ phận”. Vì vậy, nhóm TK này có thể được mở chi tiết theo từng đối tượng hạch toán doanh thu.

Thực trạng công tác tổ chức hệ thống TKKT

Hiện, các DN chủ yếu xây dựng hệ thống TKKT theo

hướng tập trung mọi gánh nặng trong việc phân loại thông tin lên hệ thống TKKT. Việc làm này đã từng phát huy hiệu quả trong trường hợp DN có quy mô còn nhỏ và số lượng nghiệp vụ chưa phát sinh nhiều. Tuy nhiên, sau thời gian hoạt động, số lượng nghiệp vụ ngày một tăng về số lượng và độ phức tạp thì các nhược điểm trong cách thức xây dựng hệ thống TKKT này bắt đầu bộc lộ, cụ thể với các nhóm TK:

TK công nợ: ở nhóm TK này, kế toán đã tiến hành mở chi tiết tiểu khoản cho từng đối tượng công nợ. Ví dụ: TK 131: Phải thu khách hàng, kế toán mở các tiểu khoản tương ứng TK 1311: Khách hàng khu vực miền Bắc, TK 13111: Công ty TNHH ABC, TK 13111: Công ty TNHH CDX ..., về mặt nguyên lý thì hoàn toàn đúng. Nhưng rắc rối sẽ phát sinh khi khối lượng khách hàng tăng lên con số hàng trăm, hoặc thậm chí có DN mở chi tiết tiểu khoản cho TK112: Tiền gửi ngân hàng với nội dung TK 1121: Ngân hàng ABC, TK 1122: Ngân hàng Z...

TK tồn kho: Đối với nhóm TK này, khi cần phân loại thông tin của từng sản phẩm,

* Trường Cao đẳng Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

kế toán tiến hành mở các tiểu khoản cho TK 155- Thành phẩm thành các tiểu khoản như TK 1551: Thành phẩm kho A, TK 1551: Sản phẩm ABC... công việc này cũng được tiến hành tương tự với các TK 152, 153, 154, 156, 157 của DN.

TK Doanh thu: Quá trình đi đến mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận của DN chủ yếu nằm ở khâu phân tích doanh thu và chi phí. Lợi nhuận của DN sẽ tối đa khi DN tìm được câu trả lời làm thế nào để tối thiểu hóa chi phí và doanh thu đạt được là lớn nhất. Như vậy, việc phân tích doanh thu theo chiều hướng phân loại thị trường sẽ giúp nhà quản lý dễ dàng định hướng và phân loại được đâu là thị trường mục tiêu, đâu là loại sản phẩm mũi nhọn... Để có được câu trả lời này, kế toán khi tiến hành xây dựng hệ thống TK doanh thu thường phân chia thành các tiểu khoản như TK 5111: Doanh thu bán hàng gồm các tiểu khoản TK 51111: Doanh thu khu vực miền Bắc, TK 511111: Doanh thu từ sản phẩm A...

TK Chi phí: Đây là nhóm TK quan trọng bậc nhất của DN, giúp DN có thể tập hợp, theo dõi và kiểm soát chi phí trong quá trình sản xuất và kinh doanh của mình. Do vậy, khi xây dựng hệ thống TK, kế toán thường rất quan tâm đến vấn đề tổ chức hệ thống TK kế toán nhóm chi phí sao cho có hiệu quả. Khi tiến hành khảo sát tại một số DN trong nhóm vận tải, cho thấy khá nhiều công ty đã tổ chức hệ thống TK kế toán chi phí như sau:

Xuất phát từ yêu cầu về việc phải theo dõi chi phí nguyên liệu, nhân công, khấu hao... theo từng đội xe, từng nhóm loại xe..., kế toán đã tiến hành xây dựng các bộ tiểu khoản nhằm phân loại chi phí như: TK 622: Chi phí nhân công được chi tiết theo tiểu khoản TK

6221: Chi phí nhân công trực tiếp đội xe khách, TK 6222: Chi phí nhân công đội xe tải... Với TK chi phí sản xuất chung, chi phí bán hàng, chi phí quản lý, kế toán cũng tiến hành mở tiểu khoản tương ứng như TK 6274: Khấu hao tài sản cố định được mở chi tiết tiểu khoản TK 62741: Khấu hao xe đội xe khách, TK 627411: Khấu hao xe khách Hyundai... TK 641: Chi phí bán hàng được mở các tiểu khoản như TK 6411: Chi phí nhóm dịch vụ xe khách, TK 6412: Chi phí nhóm dịch vụ xe tải... Tương tự, với các TK chi phí khác được các DN sử dụng để phản ánh chi tiết theo từng đối tượng theo dõi.

Như vậy, nếu suy nghĩ theo chiều hướng các khoản mục phí của DN là cố định và có số lượng hạn chế, khu vực thị trường của DN không nhiều, số lượng khách hàng giữ nguyên thì việc xây dựng hệ thống TK như vậy là rất phù hợp, dễ dàng tập hợp và phân loại thông tin theo yêu cầu của các cấp quản lý (Ví dụ: Yêu cầu cho biết doanh thu bán hàng của khu vực phía Bắc, kế toán chỉ cần tập hợp số phát sinh từ TK 51111 là có thể đáp ứng được yêu cầu). Tuy nhiên, điều gì sẽ xảy ra khi DN ngày càng phát triển cả về quy mô sản xuất, phạm vi thị trường hay chủng loại hàng hóa? Chắc chắn rằng, khi DN phát triển, với số lượng khách hàng lên đến hàng trăm, thậm chí hàng ngàn thì liệu có thể nhồi nhét được hết vào hệ thống TK không? Và với số lượng ngân hàng có giao dịch với DN tăng lên hàng chục thì TK 112 lúc đó sẽ như thế nào?

Với nhóm TK doanh thu sẽ phải phân chia ra sao khi DN có nhu cầu theo dõi doanh thu bán hàng chi tiết theo quốc gia, vùng, tỉnh... thậm chí là quận, xã, kết hợp với độ tuổi, nghề nghiệp...

Điều này chắc chắn sẽ rất khó khăn khi tất cả tập trung hết vào một hệ thống TK kế toán. Đơn cử như Công ty LanguageLink Vietnam với số dòng trong hệ thống TK kế toán hiện nay là 1360 TK, một con số không nhỏ nếu ta đem so sánh với nguyên bản một danh mục TK chỉ có khoảng 200 TK bao gồm cả tiểu khoản (hệ thống TK ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC).

Giả sử, nếu các DN vận tải muốn theo dõi chi phí nhân công chi tiết theo từng loại xe, theo kích thước xe, tải trọng của xe, nhóm khách sử dụng, giờ vận hành... chắc chắn, lúc đó hệ thống TK chi phí như trên sẽ bị phá vỡ. Hơn thế nữa, mỗi khi muốn bổ sung hay thay đổi thông tin quản lý, DN không thể thay đổi ngay các cấp của TK (vì cấp cũ đã có số liệu phát sinh) hay nói một cách khác là **tính động** trong việc thêm bớt thông tin quản trị trong quá trình hoạt động là không có. Qua đó, ta có thể thấy, việc đang sử dụng một hệ thống TKKT vừa phức tạp, vừa công kênh như hiện nay là không hiệu quả và với việc ngày càng lớn mạnh của DN thì sự sụp đổ của hệ thống TKKT như vậy trong tương lai là điều chắc chắn xảy ra nếu như DN không sớm có những thay đổi cho phù hợp.

Giải pháp cho một hệ thống TK tinh gọn

Như chúng ta đã biết, bản thân hệ thống TK xét theo khía cạnh nào đó cũng giống như các hệ thống danh mục khác. Việc tổ chức, phân loại yếu tố trong các danh mục khác như danh mục khách hàng, danh mục hàng hóa... theo dạng hình cây phần nào có nét tương đồng với danh mục TK kế toán. Như vậy, khi xây dựng hệ thống TKKT, cần phải tổ chức phân chia gánh nặng phân loại và

cung cấp thông tin từ TK kế toán sang các danh mục khác. Việc làm này sẽ giúp cho chức năng cung cấp thông tin của các danh mục được thể hiện rõ hơn và làm tinh gọn hệ thống TKKT. Cụ thể, ta sẽ xem xét giải pháp cho từng nhóm TK sau:

Nhóm TK công nợ: Với nhóm TK này, DN chỉ cần sử dụng TK cấp 1 để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đồng thời, khai báo tên các đối tượng công nợ trong danh mục khách hàng, khi cập nhật số liệu có liên quan đến khách hàng nào thì chỉ ra khách hàng đó trong danh mục khách hàng. Tương tự, DN có thể khai báo kết hợp các danh mục vùng miền, danh mục hợp đồng... Khi sử dụng cách thức này sẽ giúp cho nhà quản lý nhanh chóng có được các thông tin về công nợ của từng đối tượng, hoặc có thể theo dõi công nợ theo hợp đồng, theo khu vực... TK áp dụng phổ biến là TK 131, TK 331, TK 112...

TK tồn kho: Với nhóm TK này, DN có thể chỉ phải sử dụng một TK cấp 1, kết hợp với các danh mục khác như danh mục kho, danh mục vật tư hàng hóa, sản phẩm. Nếu thấy cần thiết, có thể khai báo thêm các danh mục như danh mục đặc tính sản phẩm để theo dõi thêm. Như vậy, với TK155, DN tiến hành tổ chức phân loại sản phẩm tại danh mục sản phẩm. Ví dụ, với DN được phẩm có thể phân loại theo nhóm dược lý, nhóm bệnh, nhóm thuốc nội ngoại... theo dạng thức cấu trúc hình cây.

Với cách phân loại như trên, khi cần xem báo cáo tiêu thụ của thành phẩm, ngoài việc lọc số liệu theo TK155, DN có thể tìm kiếm và lập báo cáo theo kho, theo chủng loại sản phẩm, qua đó có thể thống kê được loại sản phẩm nào có mức tiêu thụ cao,

kho hàng nào đáp ứng tiêu thụ tốt nhất... đồng thời, trong quá trình xuất hàng bán, DN có thể đáp ứng yêu cầu của khách hàng về bản đặc tả sản phẩm thông qua danh mục đặc tính sản phẩm. Tương tự cho các TK 152, TK 153, TK 157...

TK doanh thu: Đây là nhóm TK quan trọng bậc nhất của DN, vì bản thân nó phản ánh gần như trọn vẹn kết quả, hiệu quả kinh doanh của DN, nói theo cách khác, DN hoạt động “tốt” hay không chỉ cần nhìn vào kết quả tiêu thụ sẽ rõ.

Phần lớn nội dung trong “Báo cáo bộ phận” của kế toán quản trị dành để giúp DN phân loại và quản lý doanh thu tiêu thụ, ở đây là theo vùng, miền, theo khu vực, theo nhóm khách hàng... Ví dụ, người quản lý muốn biết số lượng thuốc lá Vinataba tiêu thụ trong tháng tại khu vực phía Nam, nhóm khách hàng là thanh niên. Nếu như với hệ thống TK cũ, việc trả lời câu hỏi này sẽ rất khó. Tuy nhiên, với việc khai báo các danh mục vùng miền, danh mục nhóm người tiêu dùng... khi cập nhật số liệu bán hàng, nhân viên bán hàng chỉ cần chỉ rõ là bán tại khu vực nào, nhóm tuổi nào... thì việc lập báo cáo phân tích doanh thu sẽ trở lên dễ dàng và đa chiều hơn.

TK chi phí (Lấy ví dụ với DN vận tải): Với TK Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (621), DN chỉ cần sử dụng TK cấp 1, kết hợp với danh mục vật tư và sản phẩm để theo dõi vật tư xuất dùng cho sản phẩm nào. Trong trường hợp DN muốn theo dõi chi phí xăng dầu cho đội xe 54 chỗ ngồi thuộc nhóm vận tải hành khách cho gói dịch vụ du lịch Hạ Long. Khi phát sinh chi phí nhiên liệu cho gói này, kế toán chỉ cần chỉ ra thông tin cụ thể cho từng khoản mục thông qua các danh mục khoản

mục phí, danh mục tour du lịch, danh mục đội xe. Khi đó, có thể tổng hợp báo cáo chi phí theo từng tour, từng loại xe, từng khoản mục chi phí trong TK 621.

Với TK 622 DN cần bổ sung thêm danh mục nhân viên, danh mục này sẽ theo dõi cả những nhân viên là lái xe, khối văn phòng, khối quản lý... thông qua việc bố trí theo nhóm trong danh mục nhân sự. Như vậy, với bài toán một lái xe có thể lái nhiều loại xe khác nhau, thực hiện nhiều nhiệm vụ khác nhau, DN vẫn có thể quản lý tốt chi phí cho lái xe đó. Ví dụ, với cùng một xe nhưng các lái xe khác nhau sẽ có mức tiêu hao nhiên liệu khác nhau, từ đó, ta có thể kiểm soát và so sánh được, ngoài ra, DN có thể theo dõi sự hài lòng của khách hàng về thái độ của lái xe, nhân viên trong các tour khác nhau thông qua danh mục hợp đồng.

Với TK chi phí sản xuất chung 627, nhóm TK tương đối phức tạp trong việc quản trị chi phí và giá thành của DN vì liên quan đến quá trình phân bổ chi phí tới các đối tượng tính giá, với các DN vận tải thì đó là các hợp đồng vận chuyển hàng hóa hay hành khách... Với các DN được phẩm thì đối tượng tính giá thành là các loại thuốc khác nhau mà công việc cuối cùng thường là phân bổ chi phí theo các tiêu thức như số lượng sản phẩm sản xuất ra, chi phí nhân công, doanh thu tiêu thụ... Như vậy, việc bóc tách đối tượng theo dõi ra các danh mục riêng rẽ sẽ giúp DN nhanh chóng xác định được giá trị tiêu thức để phân bổ.

Ngoài ra, với các TK chi phí như TK 641, TK 642 thông qua các danh mục bộ phận và danh mục khoản mục phí, DN có thể kiểm soát được chi phí cho từng bộ phận như khi có khoản chi tiền in ấn cho bộ phận bán hàng. Xét

theo khía cạnh TK 627 thì đó là khoản chi phí chung, khoản mục phí cụ thể là “Chi phí in ấn” nhưng với TK 641 thì nó lại là chi phí cho bộ phận bán hàng. Từ đó, ta thấy việc khai báo các danh mục không chỉ phục vụ cho một nhóm chi phí mà còn phục vụ cho nhiều nhóm nghiệp vụ khác nhau, nói cách khác thì tính kế thừa và tận dụng trong các danh mục là rất cao. Ngoài ra, việc bổ sung hay bớt các thông tin quản trị là rất dễ dàng ở mọi thời điểm. Việc này khác hoàn toàn với hệ thống TK cũ vì tính “tĩnh” của TK cũ không cho phép thay đổi trong quá trình sử dụng mà chỉ được thiết lập một lần trước khi DN hoạt động. Điều này là bất hợp lý vì DN phải luôn thay đổi cả về trình độ, cách thức quản lý và quy mô theo từng ngày cho phù hợp với môi trường kinh doanh hiện tại.

Như vậy, việc phân loại hệ thống TK theo cách cũ là không phù hợp với cách thức quản lý

hiện nay, nhất là khi DN đang từng bước ứng dụng kế toán quản trị. Ngoài ra, việc thay đổi này là phù hợp trong bối cảnh DN đang từng bước triển khai và áp dụng hệ thống ERP vào quản lý việc chia sẻ thông tin giữa các phòng ban là rất cần thiết. Ví dụ, nếu như trước đây, các phòng ban khác không thể tiếp cận hệ thống TK của phòng kế toán để lấy thông tin về sản phẩm, thì nay, việc đưa sản phẩm ra danh mục riêng là “danh mục sản phẩm”, phòng kế toán sẽ dễ dàng để các bộ phận khác tiếp cận mà không lo ngại gì về tính bảo mật dữ liệu trong hệ thống TK của mình.

Tất nhiên, để có thể áp dụng được các giải pháp trên một cách hiệu quả nhất, DN cần đưa phần mềm kế toán vào trong công việc của mình. Với ưu thế trong việc tìm kiếm và tổng hợp dữ liệu phần mềm kế toán thực sự là công cụ rất hữu ích cho các nhà quản lý. Với chi phí chỉ khoảng 200\$ cho

một phần mềm tiêu chuẩn, thực sự đây không phải là vấn đề với bất cứ DN nào so với những gì mà nó mang lại. ▣

Tài liệu tham khảo

- (1) PGS. TS. Nguyễn Thị Đông, *Giáo trình Lý thuyết hạch toán kế toán*, NXB Tài chính, 2007.
- (2) PGS. TS. Nghiêm Văn Lợi, *Giáo trình Nguyên lý kế toán*, NXB Tài chính, 2006.
- (3) TS. Nguyễn Tuấn Duy, TS. Nguyễn Phú Giang, *Kế toán quản trị*, NXB Tài chính, 2008.
- (4) *Các tài liệu về Chế độ kế toán Việt nam, Các chuẩn mực kế toán Việt Nam...*
- (5) Ph.D. Joel J. Lerner, *Bookkeeping and Accounting, Third Edition*, Copyright 2004 by The McGraw-Hill Companies, Inc.
- (6) Pro. Joel G. Siegel, *Theory and Problems of Managerial Accounting*, Copyright 01999, 1984 by The McGraw-Hill Companies, Inc.

(Tiếp theo trang 16)

doanh thu; Sổ chi tiết thuế GTGT; Sổ chi tiết chi phí SXKD cho từng loại sản phẩm; Sổ chi tiết chi phí sản xuất chung; Sổ chi tiết chi phí bán hàng; Sổ chi tiết chi phí QLDN; Sổ tính giá thành sản phẩm, dịch vụ; Sổ kế toán chi tiết theo dõi các khoản đầu tư vào Cty con, Cty liên kết; Sổ theo dõi các khoản đầu tư chứng khoán; Sổ theo dõi chi tiết nguồn vốn kinh doanh; Sổ theo dõi chi tiết chi phí ĐTXD công trình; Sổ theo dõi nguồn vốn ĐTXD công trình; Sổ theo dõi chi tiết chi phí sản xuất các công trình xây lắp; Sổ theo dõi chi phí hoạt động sự nghiệp có thu;...

Tổ chức triển khai ứng dụng công nghệ thông tin

Căn cứ yêu cầu quản lý, TĐKT nghiên cứu xây dựng chương trình phần mềm máy theo các yêu cầu: Đáp ứng đầy đủ yêu cầu của CMKT Việt Nam và CMKT quốc tế; Sử dụng được cho Cty mẹ và các Cty con, riêng công ty liên kết thì khuyến khích sử dụng hệ thống chương trình mở có khả năng giao diện với các hệ thống phần mềm phát triển sau này và đảm bảo tích hợp được với các phần mềm hiện có và các phần mềm phát triển trong tương lai; Sẵn sàng cho các kết nối với các giao dịch thương mại điện tử sau này

Công khai các thông tin tài chính kế toán

Một là, công khai trong nội bộ lãnh đạo: Tất cả BCTC và BCK-TQT theo chế độ quy định của TĐ kinh tế định kỳ, tháng, quý,

năm, trong đó BCKTQT công khai trong nội bộ lãnh đạo TĐ: Báo cáo tình hình thực hiện sản lượng, doanh thu, ước KQKD tháng; quý, năm Báo cáo tình hình ngân quỹ; các chỉ tiêu phân tích BCTC ...

Hai là, công khai trong nội bộ TĐ, gồm báo cáo tình hình thực hiện sản lượng, doanh thu, ước KQKD, BCTC quý, năm của tập đoàn; các chỉ tiêu phân tích BCTC năm, ...

Ba là, công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng tất cả các BCTC và báo cáo giám sát tình hình thực hiện kết quả hoạt động kinh doanh của tập đoàn theo chế độ quy định của nhà nước đối với tập đoàn kinh tế. ▣